

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12A1

GVQN: LÊ THỂ NHIÊN

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
		ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	ĐOÀN HOÀNG ANH	28.00	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Răng Hàm Mặt	Điểm TN
2	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	28.00	ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM	Dược học	Điểm TN
3	NGUYỄN PHI BẢO	28.25	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT HCM	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm TN
4	TRẦN HOÀNG GIA BẢO	28.00	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch	Tổng hợp
5	NGUYỄN TIẾN CUỜNG	27.90	ĐH NGOẠI THƯƠNG	Quản trị kinh doanh	ĐGNL HCM
6	VŨ MẠNH CUỜNG	26.55	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật Cơ Điện tử (CT Dạy - học bằng Tiếng Anh)	Ưu tiên XT
7	BÙI CÔNG DANH	28.05	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	Tổng hợp
8	LÊ HỮU DŨNG	27.15	ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	Kiểm toán	ĐGNL HCM
9	LŨƠNG THỊ THÙY DƯƠNG	27.90	ĐẠI HỌC KINH TẾ TPHCM	Kiểm toán	Điểm TN
10	ĐÌNH HOÀNG HÀ	27.05	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	Nghiệp vụ Cảnh sát	Tổng hợp
11	HOÀNG THỊ PHƯƠNG HẰNG	27.10	ĐH BÁCH KHOA	Hoá - Thực phẩm - Sinh học	Tổng hợp
12	NGÔ VĂN ĐỨC HIẾU	28.45	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch	Tổng hợp
13	PHAN THANH HOÀNG	27.30	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khoa học máy tính	ĐGNL HCM
14	PHAN NHẤT HUY	26.40	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch	Tổng hợp
15	TRƯƠNG LÊ GIA HÙNG	28.00	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khoa học máy tính	Điểm TN
16	CHIÊM CAO PHÚ	27.65	ĐH KINH TẾ-LUẬT	Thương mại điện tử	ĐGNL HCM
17	ĐÌNH PHẠM ANH QUÂN	28.45	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trí tuệ nhân tạo	ĐGNL HCM
18	LÊ ĐÌNH MINH QUÂN	27.35	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khoa học máy tính	Điểm TN
19	PHẠM HỒNG QUÂN	28.25	HỌC VIỆN QUÂN Y	Y khoa	ĐGNL HCM
20	PHẠM TUỜNG QUÂN	28.85	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trí tuệ nhân tạo	Điểm TN
21	LÝ TIỂU THANH	27.85	ĐH NGOẠI THƯƠNG	Kế toán - Kiểm toán	ĐGNL HCM
22	NGUYỄN THỨC ÁI THANH	26.70	ĐH KHOA HỌC SỨC KHOẺ	Y học cổ truyền	Điểm TN
23	NGUYỄN THÀNH TRUNG	27.35	ĐH NGOẠI THƯƠNG	Kinh tế đối ngoại	ĐGNL HCM
24	TRẦN QUỐC TÚ	27.10	ĐH KINH TẾ TPHCM	Khoa học dữ liệu	Điểm TN
25	NGUYỄN TRẦN MINH TUẤN	25.75	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Dầu khí-Địa chất	Tổng hợp
26	MAI VĨ TUỜNG	26.85	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch	Tổng hợp
27	HOÀNG THỊ THẢO UYÊN	27.25	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Kỹ thuật phần mềm	Điểm TN
28	PHẠM HÀ NHẤT VĂN	27.60	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TPHCM	Sư phạm Toán học	Điểm TN

29	HOÀNG MINH	VŨ	27.30	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch	Tổng hợp
30	PHẠM THỊ HÀ	VY	27.65	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật hóa học	Ưu tiên XT
31	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	27.25	ĐH NGOẠI THƯƠNG	Kinh tế đối ngoại	Điểm TN
32	TRẦN ANH	KIỆT	26.75	ĐH AN NINH NHÂN DÂN	Nghiệp vụ An Ninh	Tổng hợp
33	NGUYỄN KHANG	KỶ	28.20	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	Tổng hợp
34	LÊ HOÀI	NHẬT	27.85	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch	Tổng hợp
35	NGUYỄN PHI	NHUNG	26.90	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Công nghệ thông tin	Điểm TN
36	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	28.05	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật Cơ Điện tử (CT Dạy - học bằng Tiếng Anh)	Ưu tiên XT
37						
38						
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		27.53			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12A2

GVQN: NGUYỄN VĂN QUY

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Nguyễn Thái	Bảo	28.40	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	KHOA HỌC DỮ LIỆU	TỔNG HỢP
2	Võ Trung	Tín	28.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	CN MARKETING	THPT
3	Vũ Thị Thùy	Dương	27.90	ĐH HẬU CẦN - CÔNG AN ND	KỸ THUẬT HẬU CẦN	THPT
4	Nguyễn Như	Quỳnh	27.85	ĐH SƯ PHẠM TP HCM	SƯ PHẠM TOÁN	THPT
5	Nguyễn Tấn	Phát	27.80	ĐH CNTT ĐHQG TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	THPT
6	Nguyễn Viết Hoàng	Gia	27.70	ĐH SƯ PHẠM TP HCM	SƯ PHẠM TOÁN	THPT
7	Phạm Trí	Tô	27.70	ĐH THƯƠNG MẠI	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	THPT
8	Phạm Nguyễn Hoàng	Nam	27.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	LOGISTIC	THPT
9	Nguyễn Gia	Bảo	27.50	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	ĐIỆN- ĐIỆN TỬ- VIỄN THÔNG ...	TỔNG HỢP
10	Trần Minh	Huy	27.50	ĐH KINH TẾ TP HCM	LOGISTIC	THPT
11	Lê Nguyễn Trang	Thanh	27.40	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	THPT
12	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	27.30	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ- VIỄN THÔNG...	TỔNG HỢP
13	Chung Thủy Xuân	Mai	27.25	ĐH SƯ PHẠM TP HCM	SƯ PHẠM KHTN	THPT
14	Nguyễn Trường	Nguyên	27.25	ĐH CNTT ĐHQG TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	THPT
15	Phạm Phú	Tài	27.20	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	NGHIỆP VỤ CẢNH SÁT	THPT
16	Nguyễn Thành	Đạt	27.15	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	THPT
17	Phan Công	Thiện	27.15	ĐH CNTT ĐHQG TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	THPT
18	Nguyễn Võ Thiên	Phúc	27.05	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	HÓA - THỰC PHẨM - SINH HỌC	TỔNG HỢP
19	Phan Minh	Hoàng	27.05	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	HÓA - THỰC PHẨM - SINH HỌC	TỔNG HỢP
20	Nguyễn Chu Đăng	Khoa	26.95	ĐH KHTN ĐHQG TP HCM	KT ĐIỆN TỬ- VIỄN THÔNG. THIẾT KẾ VI MẠCH	THPT
21	Kiều Minh	Trí	26.90	ĐH Y DƯỢC TP HCM	DƯỢC	THPT
22	Trần Hồng	Thiên	26.90	ĐH KHTN ĐHQG TP HCM	MÁY TÍNH VÀ CNTT	THPT
23	Đặng Thị Thanh	Hoa	26.85	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	THPT
24	Nguyễn Thế	Vinh	26.85	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ	TỔNG HỢP
25	Bùi Văn Quang	Anh	26.75	ĐH FPT	CNTT	THPT
26	Lê Nguyễn Nam	Phương	26.70	ĐH KINH TẾ - LUẬT TP HCM	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	ĐGNL
27	Bùi Nguyễn Đức	Thành	26.65	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	CƠ KỸ THUẬT	TỔNG HỢP
28	Vũ Anh	Đức	26.60	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	KỸ THUẬT CƠ KHÍ	TỔNG HỢP

29	Ngô Nguyễn Minh	Châu	26.55	ĐH KINH TẾ TP.HCM	LOGISTIC (hệ kỹ sư)	THPT
30	Nguyễn Trọng Tuấn	Kiên	26.30	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	DẦU KHÍ - ĐỊA CHẤT	TỔNG HỢP
31	Hoàng Gia	Thái	26.15	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	LOGISTIC	TỔNG HỢP
32	Trần Tiến	Nam	25.90	ĐH QUỐC TẾ ĐHQG TP.HCM	CNTT	THPT
33	Nguyễn Thị Hương	Giang	25.85	ĐH SƯ PHẠM TP.HCM	SƯ PHẠM TIỂU HỌC	ĐGNLCB + HB
34	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	25.80	ĐH KINH TẾ TP.HCM	LUẬT KINH TẾ	THPT
35	Võ Thái	Ân	25.80	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	KT TÀU THỦY, HÀNG KHÔNG	TỔNG HỢP
36	Võ Minh	Hương	25.65	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	DƯỢC	THPT
37	Phạm Vĩnh	Khiêm	25.10	ĐH Y DƯỢC BUÔN MA THUẬT	Y KHOA	THPT
38	Phạm Quỳnh	Thơ	25.00	ĐH KINH TẾ TP.HCM	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	HỌC BẠ
39	Nguyễn Hà	Linh	24.40	ĐH CNTT ĐHQG TP.HCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN	THPT
40						
38	TRUNG BÌNH		26.84			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12A3

GVQN: LÂM HOÀNG MINH TUẤN - NGUYỄN THÁI HƯNG

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Trình Lê	An	26.15	ĐH Y DƯỢC TPHCM	Dược học	Điểm TN
2	Vũ Thành	An	25.35	ĐH LUẬT TPHCM	Luật	Điểm TN
3	Nguyễn Lan	Anh	21.65	ĐH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TPHCM	QL đô thị và công trình	Điểm TN
4	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	25.10	ĐH QUỐC TẾ TPHCM	Marketing	Điểm TN
5	Phạm Thị Mai	Anh	25.45	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	Hóa học	Điểm TN
6	Nguyễn Vũ Ngọc	Diệp	27.25	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật hóa học	Tổng hợp
7	Nguyễn Khắc Tiến	Dũng	26.35	ĐH KINH TẾ TPHCM	Tài chính	Điểm TN
8	Hoàng Văn Quốc	Hùng	26.55	ĐH QUỐC TẾ TPHCM	Công nghệ thông tin	Điểm ĐGNL
9	Võ Phi	Hùng	23.60	ĐH CÔNG NGHIỆP TPHCM	Tự động hóa-hệ thống điều khiển thông minh	Điểm TN
10	Bùi Vũ Nhật	Huy	26.70	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật ô tô	Tổng hợp
11	Nguyễn Nhật	Huy	24.85	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử (CLCA)	Điểm TN
12	Tổng Quang	Huy	26.10	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử	Điểm TN
13	Hà Ngọc Trung	Kiên	26.20	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kĩ Thuật Cơ Khí	Tổng hợp
14	Nguyễn Mậu	Kha	23.90	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	Kỹ thuật xây dựng	Điểm TN
15	Lê Quang	Khải	24.55	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	Quản trị kinh doanh	Điểm TN
16	Lê Quang	Khải	24.50	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử (CLCA)	Điểm TN
17	Phạm Phúc	Khang	27.50	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	Tổng hợp
18	Trịnh Đình Duy	Khánh	26.40	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	Công nghệ bán dẫn	Điểm TN
19	Nguyễn Đăng	Khoa	27.10	ĐH AN NINH NHÂN DÂN	Nghiệp vụ an ninh	TN+NLCAn
20	Phan Đăng	Nghĩa	24.45	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật vật liệu	Xét tuyển PT5
21	Trần Hữu	Phú	26.60	HỌC VIỆN HẢI QUÂN	Chỉ Huy Tham Mưu	Điểm TN
22	Nguyễn Thiên	Phúc	25.00	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	Quản lý tài nguyên và môi trường	Điểm thi ĐGNL
23	Bùi Thúc	Quân	24.20	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện-điện tử-viễn thông- tự động hoá vi mạch	Tổng hợp
24	Nguyễn Minh	Quân	24.90	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	Tài chính ngân hàng	Điểm TN
25	Võ Minh	Quân	26.00	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	Công nghệ thông tin	Điểm TN
26	Võ Phương	Quỳnh	25.30	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Quản lí tài nguyên và môi trường	Tổng hợp
27	Phan Nhật	Tân	28.05	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	Nghiệp vụ cảnh sát	TN+NLCAn
28	Lê Nhật	Tiến	24.35	Trường Đại học Nguyễn Huệ (Quân sự)	Chỉ huy tham mưu Lục quân	Điểm TN

29	Lê Anh	Tuấn	24.85	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	Quản Trị kinh doanh	Điểm TN
30	Nguyễn Gia	Tuấn	26.40	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	Hệ Thống Thông Tin	Điểm TN
31	Trần Hồng	Tuấn	23.25	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TPHCM	Logistic	Điểm TN
32	Nguyễn Xuân Uyên	Thảo	24.55	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	Kế toán	Điểm TN
33	Phùng Quốc Vinh	Thuận	27.25	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	Công nghệ thông tin	Điểm TN
34	Nguyễn Thị Anh	Thư	25.55	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	kế toán	Điểm TN
35	Lê Ngọc Bảo	Trâm	27.10	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	Kinh doanh Quốc tế	Tổng hợp
36	Nguyễn Đức	Trung	27.10	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	Toán học, Toán Ứng dụng, Toán Tin	Điểm TN
37	Nguyễn Công	Vinh	25.00	Trường Sĩ Quang Lục Quân 2		Điểm TN
38						
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		25.54			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12A4

GVQN: NGUYỄN KÔNG QUAN - VÕ QUANG VINH

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	TRỊNH HUY	HOÀNG	26.35	CSS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT N	NGHIỆP VỤ CẢNH SÁT	TỔNG HỢP
2	BÙI NGỌC GIA	HUY	26.20	CSS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT N	NGHIỆP VỤ CẢNH SÁT	TỔNG HỢP
3	ĐÀO VŨ DUY	ANH	26.55	LCH- TRƯỜNG ĐẠI HỌC SĨ QUAN CH	XD ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC	THI THPT
4	PHẠM QUANG	DŨNG	26.90	HỌC VIỆN HẬU CẦN	HẬU CẦN QUÂN SỰ	ĐGNL
5	LÊ GIA	BẢO	26.90	QSB-TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	XÂY DỰNG VÀ QL XÂY DỰNG	TỔNG HỢP
6	NGUYỄN CÔNG	HOAN	26.10	QSB-TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	KHOA HỌC MÁY TÍNH	TỔNG HỢP
7	THÁI QUỐC	THỊNH	24.90	QSB-TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	KỸ THUẬT VẬT LIỆU	TỔNG HỢP
8	ĐẬU DUY	ANH	25.65	QSB-TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	CƠ KỸ THUẬT	TỔNG HỢP
9	PHẠM QUỐC	THỊNH	27.00	QST-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC	TOÁN ỨNG DỤNG	THI THPT
10	ĐUỜNG MINH	TIẾN	25.60	QST-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC	TOÁN ỨNG DỤNG	THI THPT
11	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	26.70	QST-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	THI THPT
12	PHẠM QUỲNH TUYẾN	NGÂN	23.85	QST-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC	CÔNG NGHỆ SINH HỌC	ĐGNL
13	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	24.45	QSK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LU	LUẬT (CHUYÊN NGÀNH LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH CÔNG)	ĐGNL
14	PHẠM THANH	THẢO	26.05	QSK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	KINH TẾ QUỐC TẾ (CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI)	THI THPT
15	LÊ BẢO NGỌC	CHƯƠNG	26.50	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	THI THPT
16	NGUYỄN XUÂN TRU	GIANG	24.65	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	THI THPT
17	NGUYỄN TÀI	PHƯỚC	25.90	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	THI THPT
18	NGUYỄN TRIỆU	VY	25.85	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	THI THPT
19	WANG	WIN	24.20	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CHẾ TẠO MÁY CLC	THI THPT
20	HỨA ANH	KHOA	25.15	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ KĨ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ	THI THPT
21	NGUYỄN PHÚC	TOÀN	26.60	SPK-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM K	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	THI THPT
22	BÙI THỊ THANH	VY	26.00	KSA-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	TÀI CHÍNH	ĐGNL
23	LÊ VĨNH	THUẬN	25.70	KSA-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	QUẢN TRỊ KINH DOANH	ĐGNL
24	PHAN MINH	TRÂM	26.90	KSA-TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	KINH DOANH SỐ	THI THPT
25	NGUYỄN GIA	BẢO	23.65	MBS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	THI THPT
26	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	25.55	DNU-TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI	SƯ PHẠM TOÁN	THI THPT
27	TRÀ ANH	KHOA	26.60	DNU-TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI	SƯ PHẠM TOÁN	THI THPT
28	PHẠM NGUYỄN	KHÔI	21.45	IUH-TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGH	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	THI THPT

29	NGUYỄN HỮU MINH	25.60	NHS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG	THI THPT
30	HUỲNH NGỌC KIỀU VY	23.55	NHS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG	QUẢN TRỊ	SAT
31	NGUYỄN LÊ KHẢI	25.90	BVS-HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU C	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	THI THPT
32	TRỊNH NHƯ NGỌC	24.00	SGU- TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	THI THPT
33	NGUYỄN CHÍ DŨNG	23.95	FPT- TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	THI THPT
34	MAI THỊ THU HƯƠNG	23.40	UEF- TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - T	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	THI THPT
35	VÕ CHÂU THỊ MỸ TIÊN	24.10	LPS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ	QUẢN TRỊ KINH DOANH	THI THPT
36	LÊ NGỌC BẢO TRÂM	26.15	SPS-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP	SƯ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN	THI THPT
37					
38					
39					
40					
38	TRUNG BÌNH	25.40			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024**LỚP: 12B1****GVQN: TRẦN THANH HƯNG**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Lê Ngọc Thiên	Ái	26.90	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
2	Trương Phạm Bình	An	25.95	ĐH Y Dược_ĐH Huế	Răng-Hàm-Mặt	Điểm Thi TN
3	Nguyễn Trọng	Bằng	28.45	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
4	Vũ Hoàng Thái	Bảo	26.85	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Răng-Hàm-Mặt	Điểm Thi TN
5	Nguyễn Thanh	Bình	28.50	ĐH Y Dược TP.HCM	Răng-Hàm-Mặt	Điểm Thi TN
6	Phạm Thái	Dương	26.90	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
7	Dương Thị Thanh	Duyên	27.60	ĐH Y Dược TP.HCM	Răng-Hàm-Mặt	Điểm Thi TN
8	Vũ Đức	Đạt	26.25	ĐH Khoa Học Sức Khỏe	Y khoa	Điểm Thi TN
9	Lý Trí	Đức	26.15	ĐH Y Dược Cần Thơ	Y khoa	Điểm Thi TN
10	Lê Minh	Hằng	27.00	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
11	Trần Nguyễn Thanh	Hiền	28.00	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
12	Nguyễn Trần Như	Hoa	26.05	ĐH Y Dược Cần Thơ	Răng-Hàm-Mặt	Điểm Thi TN
13	Trần Việt	Hoàng	27.25	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
14	Lê	Huân	27.95	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
15	Hà Tiến	Huy	28.85	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
16	Nguyễn Văn	Huy	26.10	ĐH Y Dược Cần Thơ	Y Khoa	Điểm Thi TN
17	Phạm Phúc	Khang	27.10	ĐH Y Dược TP.HCM	Y Khoa	Điểm Thi TN
18	Trương Tấn	Khang	25.00	ĐH Y Tây Nguyên	Y khoa	Điểm Thi TN
19	Nguyễn Lan	Khanh	27.90	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
20	Mai Anh	Khoa	26.60	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
21	Nguyễn Tuấn	Khôi	26.40	ĐH Bách Khoa TP.HCM	Quản lý Công nghiệp	Điểm Thi TN
22	Võ Nguyễn Đăng	Khôi	27.15	ĐH Y Dược TP.HCM	Y Khoa	Điểm Thi TN
23	Võ Trần Trung	Kiên	27.40	ĐH Y Dược TP.HCM	Răng-Hàm-Mặt	Điểm Thi TN
24	Trần Văn	Lễ	27.05	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
25	Lê Linh Minh	Nguyệt	27.50	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
26	Trần Thanh	Phong	27.30	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
27	Nguyễn Nhật Nam	Phương	26.00	ĐH Y Dược Cần Thơ	Y khoa	Điểm Thi TN
28	Nguyễn Hoàng Sơn	Quý	27.40	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN

29	Trần Việt	Sáng	25.95	ĐH Y Dược TP.HCM	Y học cổ truyền	Điểm Thi TN
30	Bùi Đức	Thắng	27.10	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
31	Nguyễn Thanh	Thiện	26.75	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
32	Trần Đức	Thọ	26.90	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
33	Phan Ngọc	Trí	25.15	ĐH Y Dược TP.HCM	Dược học	Điểm Thi TN
34	Đỗ Nguyễn Cẩm	Tú	27.70	ĐH Y Dược TP.HCM	Y khoa	Điểm Thi TN
35	Hồ Trúc	Vy	26.75	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Y khoa	Điểm Thi TN
36	Lê Hồ Đông	Vy	26.65	ĐH Khoa Học Sức Khỏe	Y khoa	Điểm Thi TN
37	Nguyễn Lê Khánh	Vy	24.25	ĐH Văn Lang	Y khoa	Điểm Thi TN
38						
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		26.89			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024**LỚP: 12B2****GVQN: TRƯƠNG QUANG PHÚ**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
		ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	HUỖNH THÚY AN	26.20	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	Kĩ thuật Hóa	Điểm TN+IELTS
2	NGUYỄN LÊ BẢO ANH	26.55	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Răng hàm mặt	Điểm TN+IELTS
3	PHẠM QUỲNH ANH	25.90	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Dược học	Điểm TN
4	THÁI MINH ANH	25.00	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	Dược học	Điểm TN
5	THÁI TRẦN HỒNG ÂN	25.75	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	Y khoa	Điểm TN
6	NGÔ PHẠM THANH BÌNH	25.44	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Dược học	Điểm TN+IELTS
7	TRẦN DƯƠNG KHÁNH CHI	26.60	ĐH KỸ THUẬT - Y DƯỢC ĐÀ NẴNG	Y khoa	Điểm TN+IELTS
8	NGÔ TRẦN BẢO DUY	26.10	ĐH KHTN - ĐHQG TP HCM	Công nghệ thông tin	Điểm TN+IELTS
9	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	25.15	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Dược học	Điểm TN+IELTS
10	NGUYỄN LỮ ĐAN ĐAN	25.80	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	Y khoa	Điểm TN
11	TRẦN QUANG ĐẠT	26.35	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	Y khoa	Điểm TN
12	LÝ VÕ PHƯƠNG GIANG	25.20	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Kĩ thuật xét nghiệm y học	Điểm TN
13	TRẦN NGỌC BẢO HÂN	25.25	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Hoá dược	Điểm TN
14	LÊ TRẦN HOÀNG HUY	27.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Răng hàm mặt	Điểm TN
15	NGUYỄN NGỌC MINH HUYỀN	25.60	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Dược học	Điểm TN
16	NGUYỄN ĐOÀN THU HƯƠNG	26.52	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Răng hàm mặt	Điểm TN
17	TRƯƠNG ĐIỂM KIỀU	25.75	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	Răng hàm mặt	Điểm TN
18	TRẦN KHÁNH	27.39	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Răng hàm mặt	Điểm TN
19	PHẠM ĐÌNH ANH KHOA	25.25	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y khoa	Điểm TN
20	DƯƠNG VĂN NGUYỄN KHÔI	28.02	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Y khoa	Điểm TN
21	LÊ ANH KHÔI	26.85	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y khoa	Điểm TN
22	PHAN THỊ NGỌC LINH	25.05	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	Răng hàm mặt	Điểm TN
23	VĂN TÚ LINH	27.00	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y khoa	Điểm TN
24	ĐOÀN NHẬT MINH	27.50	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Y khoa	Điểm TN+IELTS
25	TRẦN QUANG MINH	27.15	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y khoa	Điểm TN
26	ĐOÀN MINH NGỌC	24.45	ĐH LUẬT TPHCM	Quản trị - luật	Xét học bạ
27	NGUYỄN HOÀNG THỊ NGỌC	27.20	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y khoa	Điểm TN
28	VÕ NGỌC THẢO NGUYỄN	25.40	ĐH KHOA HỌC SỨC KHỎE	Dược học	Điểm TN

29	CAO THÚY	QUYÊN	25.25	ĐH NAM CẦN THƠ	Răng hàm mặt	Điểm TN
30	NGUYỄN GIANG	SON	26.80	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y khoa	Điểm TN
31	MAI NGUYỄN CHÍ	TÂN	25.32	ĐH TÂY NGUYÊN	Y khoa	Điểm TN
32	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	25.40	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y khoa	Điểm TN
33	PHẠM NGỌC ANH	THƯ	25.05	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Dược học	Điểm TN+IELTS
34	NGUYỄN XUÂN KIỀU	TRANG	24.70	ĐẠI HỌC VĂN LANG	Y khoa	Điểm ĐGNL
35	TRẦN THỊ THỦY	TRANG	25.40	ĐH Y DƯỢC TP HCM	Y học cổ truyền	Điểm TN
36	LƯU MINH	TRÂM	24.70	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	Tài chính ngân hàng	Điểm TN
37	NGUYỄN NGỌC TUỆ	VY	25.57	ĐẠI HỌC TRÀ VINH	Y khoa	Điểm TN
38	VŨ NGUYỄN THẢO	VY	25.75	ĐH TÂY NGUYÊN	Y khoa	Điểm TN
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		25.93			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12B3

GVQN: VÕ HUY

SỐ	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
TT			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	23.00	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	KỸ THUẬT HÓA HỌC	TN+ĐGNL
2	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	25.95	ĐH BÁCH KHOA TP.HCM	CÔNG NGHỆ SINH HỌC	TN+ĐGNL
3	HÀNG THU	AN	22.60	ĐH CÔNG NGHIỆP TP.HCM	DƯỢC	HỌC BẠ
4	LÊ MINH	PHƯƠNG	24.95	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN	HÓA HỌC	Điểm TN
5	HOÀNG NGỌC BẢO	CHÂU	26.35	ĐH KINH TẾ TP.HCM	KIỂM TOÁN	Điểm TN
6	NGUYỄN LÊ QUỲNH	THƯ	24.45	ĐH KINH TẾ TP.HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Điểm TN
7	LÊ THỊ ÁNH	NGỌC	24.35	ĐH NAM CẦN THƠ	RĂNG HÀM MẶT	Điểm TN
8	NGUYỄN DƯƠNG HÀ	GIANG	24.20	ĐH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	ĐGNL
9	TRỊNH ĐÀO VÂN	ANH	26.70	ĐH NGOẠI THƯƠNG	KINH TẾ,QUẢN TRỊ	Điểm TN
10	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	LINH	25.25	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	Điểm TN
11	NINH VĂN	LỘC	24.90	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	Điểm TN
12	TRẦN NGÔ TÂM	NHƯ	23.65	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	THP
13	LÊ TRỌNG	TÍN	24.75	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	Điểm TN
14	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	24.70	ĐH SƯ PHẠM TP.HCM	HÓA HỌC	Điểm TN
15	ĐÀO MINH	ĐỨC	25.20	ĐH TÂY NGUYÊN	Y KHOA	Điểm TN
16	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	22.60	ĐH VĂN LANG	Y KHOA	Điểm TN
17	BÙI KHÁNH	HUYỀN	25.95	ĐH Y CẦN THƠ	Y KHOA	Điểm TN
18	TRẦN LÊ PHƯƠNG	QUYÊN	25.95	ĐH Y CẦN THƠ	Y KHOA	Điểm TN
19	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	26.30	ĐH Y CẦN THƠ	Y KHOA	Điểm TN
20	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	25.85	ĐH Y CẦN THƠ	Y KHOA	Điểm TN
21	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	25.85	ĐH Y CẦN THƠ	Y KHOA	Điểm TN
22	ĐÌNH MINH	TUỆ	24.70	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG	Điểm TN
23	THÁI HỒNG	KHUYẾN	25.80	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	DƯỢC HỌC	Điểm TN
24	PHẠM THỊ TÚ	LINH	23.60	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	HÓA DƯỢC	Điểm TN
25	PHAN TÂN	LỘC	25.35	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điểm TN
26	ĐẶNG CAO GIA	NGHI	23.65	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	DINH DƯỠNG	Điểm TN
27	HOÀNG TRẦN YẾN	NHƯ	25.00	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điểm TN
28	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	25.40	ĐH Y DƯỢC TP.HCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điểm TN

29	TRẦN CÔNG	ĐỨC	26.65	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	Điểm TN
30	HOÀNG MINH	HẠNH	26.60	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	Điểm TN
31	NGUYỄN TÔ THIÊN	PHÚ	24.95	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM	Điểm TN
32	NGUYỄN ĐÌNH MINH	TRÍ	25.65	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	DƯỢC	Điểm TN
33	PHẠM NGUYỄN MAI	QUỲNH	25.00	ĐH Y TRÀ VINH	Y KHOA	Điểm TN
34	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	22.30	HỌC VIỆN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	KẾ TOÁN	Điểm TN
35						
36						
37						
38						
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		24.95			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12E1

GVQN: TRỊNH VĂN TUYỂN

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Phan Hoàng Nam	Anh	25.30	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	Hệ thống thông tin	ĐGNL
2	Nguyễn Ngọc	Ánh	26.55	ĐH KINH TẾ	Kinh doanh thương mại	TỔNG HỢP
3	Mai Thanh	Bình	27.25	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	ĐGNL
4	Nguyễn Minh	Cường	27.40	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Quản trị kinh doanh	ĐGNL
5	Nguyễn Xuân	Cường	27.25	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	Khoa học dữ liệu	ĐGNL
6	Nguyễn Linh	Chi	27.10	ĐH KINH TẾ	Cử nhân tài năng ISB BBus	TỔNG HỢP
7	Nguyễn Hồ Thùy	Dương	26.50	ĐH KINH TẾ	Quản trị nhân Lực	TỔNG HỢP
8	Vũ Đức	Dương	26.65	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	Công nghệ thông tin	TỔNG HỢP
9	Nguyễn Phúc Bảo	Đạt	27.20	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	TỔNG HỢP
10	Mai Hoàng Phương	Đông	27.90	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	TỔNG HỢP
11	Đặng Vũ	Hoàng	26.75	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật hàng không	TỔNG HỢP
12	La Đức	Huy	27.45	ĐH KINH TẾ (Western Sydney liên kết với ĐH Kinh Tế)	Kinh doanh quốc tế	TỔNG HỢP
13	Lê Võ Hoàng	Khởi	26.65	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Điện điện tử	TỔNG HỢP
14	Lê Ngọc	Linh	27.20	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kế toán	ĐGNL
15	Võ Hoàng	Long	26.80	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	Khoa học máy tính	THI THPT
16	Lưu Đình Tiến	Lộc	26.60	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật máy tính	TỔNG HỢP
17	Đinh Nguyễn Nhật	Minh	27.15	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	ĐGNL
18	Ngô Võ Gia	Minh	27.30	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	TỔNG HỢP
19	Lâm Bình Phương	Nhân	26.25	ĐH KINH TẾ - ISB	Marketing	TỔNG HỢP
20	Trần Thanh Thủy	Nhi	26.35	ĐH KINH TẾ - ISB	Tài chính ứng dụng	TỔNG HỢP
21	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	25.75	ĐH TÀI CHÍNH - MARKETING	Tài chính ngân hàng	THI THPT
22	Đào Trường	Phúc	26.65	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	TỔNG HỢP
23	Lê Thị Như	Quỳnh	26.55	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Tài chính ngân hàng	TỔNG HỢP
24	Võ Thị Xuân	Quỳnh	27.60	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	Trí tuệ nhân tạo	TỔNG HỢP
25	Hồ Thụy Khánh	Tâm	27.45	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật điện - điện tử	Học bạ (UTXT)
26	Hồ Thị Thanh	Tú	26.95	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	TỔNG HỢP
27	Trần Thanh	Thảo	26.40	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	ĐGNL
28	Đỗ Quốc	Thắng	26.15	HV KHOA HỌC QUÂN SỰ	Trình sát kỹ thuật	ĐGNL

29	Nguyễn Anh	Thư	27.70	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	THI THPT
30	Nguyễn Lê Hồng	Trang	27.55	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	TỔNG HỢP
31	Nguyễn Minh	Trí	27.40	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính	TỔNG HỢP
32	Nguyễn Lê Việt	Trung	29.15	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Khoa học máy tính (CTTA)	Học bạ (UTXT)
33	Trương Lê	Vinh	27.25	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	Kỹ thuật máy tính	TỔNG HỢP
34	Phạm Trần Hải	Yến	27.25	ĐH NGOẠI THƯƠNG - CS2	Kinh tế đối ngoại	ĐGNL
35						
36						
37						
38						
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		26.98			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12E2

GVQN: TRẦN BÁ TÂN - NGUYỄN THÀNH KIM LÂM

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	VŨ QUỐC	ĐẠT	27.85	NGOẠI THƯƠNG CS2	QUẢN TRỊ KINH DOANH	Điểm TN
2	LÊ ĐOÀN TUỆ	MÃN	26.75	NGOẠI THƯƠNG CS2	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	ĐGNL
3	NGÔ PHƯƠNG	VY	27.60	NGOẠI THƯƠNG CS2	KINH TẾ	Tổng hợp
4	NGUYỄN TUẤN	HIỆP	26.35	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - ĐHQG TP	AN TOÀN THÔNG TIN	Điểm TN
5	NGUYỄN HẢI	ANH	26.55	KINH TẾ TP HCM	KIỂM TOÁN	Tổng hợp
6	BÙI NGUYỄN TRÂM	ANH	25.55	KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Tổng hợp
7	LÊ NGUYỄN TRÚC	BÌNH	25.30	KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Điểm TN
8	TRẦN MINH	HUY	26.60	KINH TẾ TP HCM	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	Điểm TN
9	PHẠM HOÀNG NHẬT	LINH	26.30	KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	ĐGNL
10	VŨ THANH	LOAN	27.05	KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	Điểm TN
11	NGUYỄN THÁI THANG	NGÂN	27.25	KINH TẾ TP HCM	KIỂM TOÁN	Điểm TN
12	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	26.95	KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	Điểm TN
13	NGUYỄN NGỌC BẢO	THY	26.70	KINH TẾ TP HCM	TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN	Điểm TN
14	NGUYỄN TRẦN QUỲN	TRANG	26.65	KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	Điểm TN
15	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	ĐOAN	25.90	KINH TẾ TP HCM	GLOBAL PATHWAYS- MARKETING	HỌC BẠ
16	NGUYỄN VĂN	CHUẨN	26.85	BÁCH KHOA TP.HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	Tổng hợp
17	TRƯƠNG NGUYỄN HU	LONG	27.00	BÁCH KHOA TP.HCM	KỸ THUẬT ROBOT	ĐGNL
18	TRẦN ĐẶNG NHẬT	MINH	27.55	BÁCH KHOA TP.HCM	(SONG NGÀNH) TÀU THỦY - HÀNG KHÔNG	ĐGNL
19	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	24.25	BÁCH KHOA TP.HCM	VẬT LÝ KỸ THUẬT	ĐGNL
20	ĐẶNG MINH	TÂM	26.15	BÁCH KHOA TP.HCM	LOGISTIC VÀ HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP	ĐGNL
21	NGUYỄN LÊ THÀNH	CỬ	25.30	LUẬT TP HCM	LUẬT	Điểm TN
22	LÊ KHÁNH	GIANG	24.90	LUẬT TP HCM	LUẬT	Điểm TN
23	NGUYỄN LÊ	TRÂN	25.55	LUẬT TP HCM	LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	HỌC BẠ
24	ĐỖ TRẦN MINH	LỘC	26.50	LUẬT TP HCM	LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Điểm TN
25	ĐÀO HOÀNG QUỲNH	LÂM	25.55	KINH TẾ - LUẬT	KINH DOANH QUỐC TẾ	Điểm TN
26	PHÙNG ANH	MINH	26.40	KINH TẾ - LUẬT	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	ĐGNL
27	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	GIÀU	25.05	QUỐC TẾ - ĐHQG TP. HCM	MARKETING	Tổng hợp
28	PHẠM ĐẶNG ANH	THƯ	26.20	SƯ PHẠM KỸ THUẬT	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Điểm TN

29	NGUYỄN HOÀNG ANH	26.10	SƯ PHẠM KỸ THUẬT	CƠ ĐIỆN TỬ	Điểm TN
30	NGUYỄN BÁ LUÂN	25.95	SƯ PHẠM KỸ THUẬT	TỰ ĐỘNG HÓA	Điểm TN
31	VŨ QUỐC HUY	26.85	SƯ PHẠM KỸ THUẬT	TỰ ĐỘNG HÓA	HỌC BẠ
32	HOÀNG THẢO UYÊN	26.80	GIAO THÔNG VẬN TẢI TPHCM	LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Điểm TN
33	NGUYỄN KIM THANH HÀ	25.60	KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	QUAN HỆ QUỐC TẾ	ĐGNL
34	TRẦN VŨ BẢO TRÂM	25.35	TÀI CHÍNH MARKETING	KINH DOANH QUỐC TẾ	Tổng hợp
35	ĐÀO MINH KHANG	25.95	ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP. HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	HỌC BẠ
36	HOÀNG NGHĨA HIẾU	25.90	ĐH VIỆT ĐỨC	KHOA HỌC MÁY TÍNH	HỌC BẠ
37	NGUYỄN ANH THƯ	27.50	ĐẠI HỌC SÀI GÒN	SƯ PHẠM TIẾNG ANH	Điểm TN
38	NGUYỄN ANH NHẬT	26.25	TÔN ĐỨC THẮNG	KINH DOANH QUỐC TẾ	Điểm TN
39	PHẠM NGUYỄN NHẬT LINH	25.65	KINH TẾ QUỐC DÂN	KINH TẾ ĐẦU TƯ	XTKH
40	NGUYỄN THỊ ÁNH HOÀI	27.20	ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI	SƯ PHẠM TIẾNG ANH	Điểm TN
38	TRUNG BÌNH	26.29			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12E3

GVQN: NGUYỄN THẾ HUYNH

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Nguyễn Huy	Bảo	25.95	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật HCM	Tự động hoá	Điểm TN
2	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	25.65	ĐH Kinh Tế HCM	chương trình kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế	Điểm TN
3	Nguyễn Đỗ Việt	Dũng	25.25	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật HCM	công nghệ kỹ thuật điện tử- viễn thông	Điểm TN
4	Lương Ngọc Thảo	Duyên	24.20	ĐH Giao Thông Vận Tải HCM	Logistics	Điểm TN
5	Nguyễn Thị Hương	Giang	25.80	ĐH Kinh Tế HCM	kế toán	Tổng hợp
6	Hoàng Kiều	Hạnh	25.95	ĐH Kinh Tế Luật HCM	tài chính ngân hàng(hệ tiếng anh)	Điểm TN
7	Đặng Nguyên	Hoàng	25.90	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật HCM	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm TN
8	Nguyễn Việt	Hoàng	25.55	ĐH Khoa Học Tự Nhiên HCM	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công	Điểm TN
9	Dương Thế	Hùng	25.55	ĐH Bách Khoa HCM	Kỹ thuật ô tô (chất lượng cao)	xét tổ hợp
10	Nguyễn Nhứt	Huy	25.85	Đại Học Quốc Tế Quốc Gia HCM	Công nghệ thông tin	Điểm TN
11	Văn Quý	Hưng	25.80	ĐH FPT	Công nghệ thông tin	Điểm TN
12	Châu Tuấn	Kiệt	25.70	ĐH Kinh Tế Luật HCM	kinh tế (Chuyên ngành kinh tế và quản lý công)	Điểm TN
13	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	23.90			trượt nv1
14	Thái Đàm	Khánh	25.15	Đại học Công Nghệ Thông Tin HCM	Thông Tin ngành Kỹ Thuật Máy Tính	Tổng hợp
15	Trần Đức	Khánh	26.25	ĐH Luật HCM	Luật thương mại quốc tế	Điểm TN
16	Lê Đăng	Khoa	24.45	ĐH FPT	Công nghệ thông tin	Điểm TN
17	Trần Nguyễn Nguyên	Khoa	27.00	ĐH Bách Khoa HCM	207-Kỹ thuật máy tính	xét tổ hợp
18	Võ Phạm Trung	Khôi	25.15	ĐH Khoa Học Tự Nhiên HCM	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công	ĐGNL
19	Võ Thị Mỹ	Linh	26.80	ĐH Văn Lang	Quan hệ công chúng	xét học bạ
20	Lê Ngọc Tâm	Ngân	25.25	Đại Học Quốc Tế Quốc Gia HCM	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Điểm TN
21	Phùng Lê Kim	Ngân	27.00	ĐH Kinh Tế HCM	Kinh doanh thương mại	Điểm TN
22	Trần Ngọc Quỳnh	Như	25.00	ĐH Kinh Tế HCM	Kinh doanh thương mại	Tổng hợp
23	Vương Thế Quỳnh	Như	25.30	Đại Học Quốc Tế Quốc Gia HCM	marketing	ĐGNL
24	Võ Hồng	Phúc	25.65	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật HCM	logistic và quản lý chuỗi cung ứng	Điểm TN
25	Nguyễn Minh	Phương	26.20	ĐH Kinh Tế HCM	công nghệ tài chính	Tổng hợp
26	Nguyễn Nam	Phương	24.95	ĐH Marketing	Marketing	Điểm TN
27	Trịnh Hồng Minh	Phương	26.85	ĐH Kinh Tế HCM	marketing	Điểm TN
28	Nguyễn Đăng Bảo	Quang	25.30	ĐH Bách Khoa HCM	điện-điện tử	xét tổ hợp

29	Phạm Đỗ Ngọc	Tân	25.90	ĐH Kinh Tế HCM	Quản trị kinh doanh	tổ hợp môn
30	Phạm Nhật	Tiên	25.15	ĐH Kinh Tế HCM	Quản lý công	Điểm TN
31	Lê Vũ	Thành	26.00	ĐH Bách Khoa HCM	logistic và hệ thống công nghiệp	tổ hợp
32	Bùi Nguyễn Anh	Thi	25.85	ĐH Kinh Tế HCM	luật kinh doanh quốc tế	Điểm TN
33	Võ Trương Thanh	Thi	25.60	ĐH Kinh Tế HCM	thống kê kinh doanh	xét học bạ
34	Nguyễn Cường	Thịnh	27.45	ĐH Bách Khoa HCM	Quản lý công nghiệp	xét tổ hợp
35	Phạm Nguyễn Trường	Thịnh	25.95	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật HCM	robot và trí tuệ nhân tạo	Điểm TN
36	Triệu Lâm Thanh	Thư	25.65	ĐH Kinh Tế Luật HCM	Quản trị kinh doanh	Điểm TN
37	Nguyễn Bảo	Trân	25.95	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật HCM	thương mại điện tử	Điểm TN
38	Nguyễn Quốc	Trung	26.65	ĐH Bách Khoa HCM	điện-điện tử	xét tổ hợp
39	Phạm Ngọc Phương	Uyên	25.70	ĐH Kinh Tế HCM	Kế Toán doanh nghiệp	Điểm TN
40	Ngô Lê Hải	Yến	26.45	ĐH Sư Phạm TPHCM	Giáo dục tiểu học	Điểm TN
38	TRUNG BÌNH		25.74			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12E4

GVQN: KIỀU HÒA LUÂN

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Hoàng Ngọc Mai	Anh	23.70	ĐH Luật TP.HCM	Quản trị kinh doanh	Điểm TN
2	Lê Hồng	Anh	25.25	ĐH Tôn Đức Thắng	Kinh doanh quốc tế	Điểm TN
3	Lê Xuân Duy	Anh	24.85	ĐH Công Nghệ Thông Tin-ĐHQG TPHCM	Công nghệ thông tin (Việt Nhật)	ĐGNL
4	Trần Quốc	Bảo	24.25	ĐH FPT	Vi mạch bán dẫn	Điểm TN
5	Lê Anh	Duy	25.60	HV Kỹ Thuật Quân Sự	Kỹ thuật quân sự	Điểm TN
6	Trần Hữu Hải	Đăng	25.70	HV Tòa Án Hà Nội	Luật	Điểm TN
7	Phạm Ngọc	Hà	25.00	ĐH Sư Phạm Tây Nguyên	Sư Phạm Vật Lý	Điểm TN
8	Trần Khánh	Hà	23.45	ĐH Ngoại Thương	Quản trị khách sạn_Chương trình liên kết	Điểm TN
9	Huỳnh Vương Gia	Hân	22.90	ĐH Quốc Tế-ĐHQG TP.HCM	Ngôn ngữ Anh	Điểm TN
10	Trương Nguyễn Ngọc	Hân	25.00	ĐH Nông Lâm TP.HCM	Công nghệ thực phẩm (chương trình tiên tiến)	Điểm TN
11	Đặng Mai Quỳnh	Hương	25.45	ĐH Bách Khoa-ĐHQG TP.HCM	Quản lý công nghiệp	Tổng hợp
12	Nguyễn Phú Quốc	Khải	24.10	ĐH Bách Khoa-ĐHQG TP.HCM	Kỹ thuật robot	Tổng hợp
13	Nguyễn Đình	Khang	25.95	DU HỌC		
14	Nguyễn Đào Khánh	Linh	25.70	ĐH Công Nghệ Thông Tin - ĐHQG TPHCM	Thương Mại Điện Tử	Điểm TN
15	Đoàn Nguyễn Nhân	Long	24.55	ĐH Bách Khoa-ĐHQG TP.HCM	Kiến trúc cảnh quan	Tổng hợp
16	Lê Hoàng	Long	23.45	ĐH Giao Thông Vận Tải TPHCM	Quản lý cảng và logistics	Điểm TN
17	Trương Hoàng	Minh	24.05	ĐH Quốc Tế-ĐHQG TP.HCM	Tài Chính -Ngân hàng	Điểm TN
18	Vũ Đình	Minh	26.60	ĐH Giao Thông Vận Tải TP.HCM	Logistic và quản lí chuỗi cung ứng	Điểm TN
19	Vũ Tuệ	Minh	25.40	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp	Điểm TN
20	Đặng Nguyễn Trà	My	23.60	ĐH Ngân Hàng TP.HCM	Tài Chính -Ngân hàng	Điểm TN
21	Hồ Nguyễn Hồng	Ngọc	24.55	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM	Quản lý công nghiệp	Điểm TN
22	Ngô Nguyễn Hồng	Ngọc	26.10	ĐH Kinh Tế - Luật- ĐHQG TP.HCM	Kinh doanh quốc tế	Điểm TN
23	Trịnh Tiểu	Ngọc	24.90	ĐH Bách Khoa-ĐHQG TP.HCM	Quản lý công nghiệp	Tổng hợp
24	Nguyễn Thống	Nhất	25.30	ĐH Mở Hà Nội	Ngôn ngữ Anh	Điểm TN
25	Lâm Ngọc Uyên	Nhi	26.30	ĐH Kinh Tế - Luật- ĐHQG TP.HCM	Kinh doanh quốc tế (Tiếng Anh)	Điểm TN
26	Phạm Yên	Nhi	26.35	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Quan trị hải quan, ngoại thương	Điểm TN
27	Nguyễn Nhật My	Phương	24.10	ĐH Quốc Tế-ĐHQG TP.HCM	Marketing	Điểm TN
28	Nguyễn Đức	Tài	24.75	DU HỌC		

29	Nguyễn Minh	Tâm	24.95	ĐH Giao Thông Vận Tải TP.HCM	Quản lý cảng và logistics	H.bạ+IELTS
30	Nguyễn Hồng	Tiên	25.50	ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM	Công nghệ thực phẩm	Điểm TN
31	Nguyễn Tiến	Thành	24.95	ĐH Quốc Tế-ĐHQG TP.HCM	Khoa học máy tính	
32	Lê Thị Phương	Trang	25.55	ĐH Tài Chính - Marketing	Quản trị kinh doanh	Đ.thi V-SAT
33	Nguyễn Bảo	Trâm	25.00	ĐH Ngân Hàng TP.HCM	Logistics	Điểm TN
34	Bùi Phú	Trân	26.35	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Tiếng Anh thương mại	Điểm TN
35	Trà Ngọc Bảo	Trân	24.30	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Quản trị bệnh viện	Điểm TN
36	Nguyễn Minh	Trí	24.80	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Bất động sản	Điểm TN
37	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	24.95	ĐH FPT	Công nghệ thông tin	Xét học bạ
38	Lê Thị Ánh	Vy	24.40	ĐH Kinh Tế - Luật- ĐHQG TP.HCM	Kinhhh doanh quốc tế	ĐGNL
39	Phạm Hải	Yên	25.40	ĐH FPT	Truyền thông đa phương tiện	Điểm TN
40						
38	TRUNG BÌNH		24.95			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024

LỚP: 12E5

GVQN: TRẦN VĂN QUỐC - NGUYỄN TRƯỜNG VINH

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Đặng Nguyễn Lan	Anh	24.20	HUB- Đại học Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	ĐGNL
2	Phan Quỳnh	Anh	22.85	Đại học Hoa Sen	Marketing	HỌC BẠ
3	Trần Hà Đức	Anh	25.50	Công nghệ thông tin đại học quốc gia thành	hệ thống thông tin (tiên tiến)	Điểm TN
4	Trương Nguyễn Kim	Anh	25.70	UEL- trường Đại học Kinh tế - Luật	luật thương mại quốc tế	Điểm TN
5	Trần Thị Kim	Cương	24.70	Tôn Đức Thắng	Ngôn ngữ anh	Điểm TN
6	Nguyễn Đặng Minh	Châu	23.80	Ngân Hàng	quản trị kinh doanh	Điểm TN
7	Nguyễn Võ Đức	Duy	25.85	Bách Khoa HCM	Kỹ thuật ô tô	Tổng hợp
8	Phạm Nguyễn Duy	Gia	23.45	Sư phạm kỹ thuật TPHCM	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Điểm TN
9	Đặng Mai Quỳnh	Giang	24.90	Đại Học Quốc Tế (ĐHQG)	Quản Trị Kinh Doanh	Điểm TN
10	Vũ Minh	Hằng	24.20	ĐH Ngân Hàng	Tài chính - Ngân Hàng	ĐGNL riêng
11	Hà Gia	Hân	24.50	Học viện hàng không Việt Nam (Vaa)	Quản trị kinh doanh	ĐGNL
12	Ngô Gia	Huy	25.05	Khoa Y- Đại Học Quốc Gia Tp Hcm	Y Học Cổ Truyền	ĐGNL
13	Trần Ngọc	Huyền	25.00	Trường Đại học Tài chính- Marketing	Kinh doanh quốc tế (Chương trình chuẩn)	ĐGNL
14	Đoàn Trần Liên	Hương	23.70	Trường Đại Học Quốc Tế	Kinh tế(Phân tích dữ liệu trong kinh tế)	Điểm TN
15	Hoàng Tuấn	Kiệt	25.55	bách khoa	logistic	Tổng hợp
16	Tô Duy	Khang	26.45	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh doanh quốc tế	Điểm TN
17	Nguyễn Mỹ	Khánh	24.45	Đại học Kinh tế-Luật	Quản trị kinh doanh chương trình tiếng anh	ĐGNL
18	Lê Nguyễn Hoàng	Long	26.05	đh khoa học tự nhiên	nhóm ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông , thiết kế vi mạch	Điểm TN
19	Đặng Nguyệt	Minh	25.85	Đại học Kinh tế TPHCM	Luật kinh doanh quốc tế	Điểm TN
20	Trịnh Triệu Minh	Minh	24.80	Bách Khoa	Kỹ Thuật Ô Tô	Tổng hợp
21	Phạm Thị Bảo	Ngọc	23.35	Đại học mở	Kế toán	Điểm TN
22	Nguyễn Lê Nam	Phương	24.50	Tài Chính_ Marketing	Marketing	Điểm TN
23	Nguyễn Phạm Mai	Phương	25.75	Học viện Hàng không	Quản lý bay	Điểm TN
24	Trần Lê Minh	Quang	24.10	Đại Học Quốc Tế TPHCM	Khoa Học Máy Tính	Điểm TN
25	Phạm Hoàng	Quân	22.70	ngân hàng	logistic	ĐGNL
26	Nguyễn Lê Minh	Tâm	24.35	QSQ-đại học Quốc Tế- đại học Quốc Gia tp.	Công nghệ thông tin	Điểm TN
27	Trang Việt	Tiến	21.30	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	kinh tế	Điểm TN
28	Trương Thanh	Tú	24.25	Văn Lang	Quan hệ công chúng	Điểm TN

29	Bùi Ngọc	Tuyên	25.20	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP. HC	Công nghệ kĩ thuật oto	Điểm TN
30	Nguyễn Trường	Thành	24.65	VGU-Trườn đại học Việt Đức	Khoa học máy tính	Điểm TN
31	Nguyễn Hoài	Thu	25.15	Đại Học Luật TpHCM	Quản trị - Luật	Điểm TN
32	NGUYỄN THỊ MINH	THU'	23.40	Sư phạm kỹ thuật	Công nghệ may mặc	HỌC BẠ
33	Nguyễn Bảo	Trâm	22.85	Tài chính - marketing	Tài chính - ngân hàng	Điểm TN
34	Bùi Hoàng Nhật	Vy	23.90	ĐH Giao Thông Vận Tải TPHCM (UTH)	Logistic	Điểm TN
35						
36						
37						
38						
39						
40						
38	TRUNG BÌNH		24.47			

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC ĐỢT I NĂM HỌC: 2023-2024**LỚP: 12E6****GVQN: LÊ MẠNH HUY - TRẦN LÊ ANH ĐỨC**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		TỔNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	NGÀNH THEO HỌC	Phương thức
			ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN		Trúng tuyển
1	Đinh Nguyễn Bảo	An	24.9	Đại Học Kinh Tế TPHCM	Robot và Trí tuệ nhân tạo(hệ kỹ sư)	Điểm TN
2	Trần Hà	An	26.4	Đại học Kinh tế - luật	Kinh doanh quốc tế	Điểm TN
3	Đỗ Hoàng	Anh	26.3	Đại Học Kinh Tế TPHCM	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	ĐGNL
4	Nguyễn Huy	Anh	25.40	Đại học Kinh tế-luật	toán kinh tế	Xét Học bạ
5	Nguyễn Tuấn	Anh	24.5	Đại học Giao thông vận tải TPHCM	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	Điểm TN
6	Lê Minh	Ân	25.4	Đại Học Bách Khoa HCM	Kĩ Thuật Hàng Không-Kĩ Thuật Tàu Thủy	Tổng hợp
7	Nguyễn Phương Thùy	Dung	24.1	Đại Học Ngân Hàng TPHCM	kế toán	Điểm TN
8	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	23.75	Đại học Quốc Tế	Kinh doanh quốc tế	Điểm TN
9	Trần Thái Ngọc	Hà	25.3	Đại học Luật	Quản trị luật	Điểm TN
10	Trần Gia	Hào	24.5	Đại học Bách khoa TPHCM	Kiến trúc	Tổng hợp
11	Tạ Bảo	Hân	24.45	Đại học Quốc Tế	kế toán	Điểm TN
12	Lê Đồng	Hòa	25.85	Đại học Luật	Quản trị luật	Điểm TN
13	Kheo Văn Huy	Hoàng	24.75	Đại học Tài chính-Marketing	marketing	ĐGNL
14	Đặng Tuấn	Hùng	23.85	Đại học Giao thông vận tải TPHCM	Kỹ thuật điện tử viễn thông	Điểm TN
15	Trần Tuấn	Kiệt	24.2	Đại học Tài chính-Marketing	Tài chính	Điểm TN
16	Trần Nguyễn Minh	Khang	25.65	Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM	Nhóm ngành Toán Ứng dụng, Toán tin	Điểm TN
17	Nguyễn Thanh	Lâm	25.15	Đại học SPKT	CNKT Chế tạo máy	Tổng hợp
18	Cần Thị Phương	Linh	25.95	Đại Học Kinh Tế TP.HCM	Tài Chính Ứng Dụng	Điểm TN
19	Huỳnh Khánh	Linh	24.7	Đại Học Kinh Tế TP.HCM	Bất Động Sản	Điểm TN
20	Nguyễn Khánh	Linh	24.4	Đại học Đà Lạt	SP tiểu học	Tuyển thẳng
21	Vũ Tuấn	Long	25.8	Học viện Hàng Không Việt Nam	Quản lý hoạt động bay	Điểm TN
22	Cao Trần Phương	Nga	25.25	Đại học Quốc Tế	Ngôn Ngữ Anh	ĐGNL
23	Trần Đông	Nghi	24.2	Đại Học Ngân Hàng TPHCM	Kế Toán	Điểm TN
24	Trần Lê Thảo	Nguyên	25.2	Đại học Luật	Quản trị luật	Điểm TN
25	Đặng Ngọc Quỳnh	Như	23.9	Đại học Kinh Tế - Luật	Kinh tế quốc tế	ĐGNL
26	Huỳnh Nhi	Phúc	26.45	Đại học Bách khoa TPHCM	công nghệ dệt-may	Tổng hợp
27	Bùi Thị Minh	Phương	25.6	ĐH Khoa học và XH nhân văn	Ngôn ngữ Anh	Điểm TN
28	Trương Minh	Tâm	27.7	Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM	Công Nghệ Thông Tin	Điểm TN

29	Nguyễn Thái	Tín	26.05	Đại Học Kinh Tế TPHCM	Tài Chính	Điểm TN
30	Dương Phan Thiên	Tú	26.6	Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM	Công Nghệ Thông Tin	Điểm TN
31	Nguyễn Như	Tuấn	24.7	Đại học FPT	Công Nghệ Thông Tin	Điểm TN
32	Tô Ngọc Thiên	Thanh	24.35	Đại học FPT	Công Nghệ Thông Tin	Điểm TN
33	Mai Nguyễn Phương	Thùy	23.75	Đại học Kinh Tế - Luật	Kế Toán	ĐGNL
34	Nguyễn Thị Anh	Thư	26.25	Đại Học Kinh Tế TPHCM	Quản Trị Kinh Doanh	Xét Học bạ
35	Trần Anh	Thư	26.1	Đại học FPT	Digital Marketing	Xét Học bạ
36	Mai Nguyễn Thùy	Trang	24.2	Đại học Luật TPHCM	Quản trị-luật	Điểm TN
37	Trương Bảo	Trân	25.1	Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	Vật Lý học	Điểm TN
38	Đỗ Khắc	Trung	24.75	Đại học Việt Đức	Giao thông	Điểm TN
39	Kiều Phương	Uyên	25.75	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế Toán	Điểm TN
40	Nguyễn Mai Như	Ý	24.4	Đại học Đồng Nai	Giáo dục Tiểu học	Điểm TN
38	TRUNG BÌNH		25.40			

SỞ GD & ĐT TP.HCM			THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐẠU ĐẠI HỌC - NGUYỄN VỌNG 1													
TRƯỜNG THCS&THPT NGUYỄN KHUYẾN			Năm học: 2023-2024													
SỐ TT	NHÓM TRƯỜNG	TÊN TRƯỜNG -CHUYÊN NGÀNH	SỐ LƯỢNG HỌC SINH TRÚNG TUYỂN													TỔNG HS
			12A1-Nhiên	12A2-Quy	12A3-Tuần	12A4-Quan	12B1-Hưng	12B2-Phú	12B3-V.Huy	12E1-Tuyên	12E2-Tân	12E3-Huynh	12E4-Luân	12E5-Quốc	12E6-M.Huy	ĐẬU NV1
1	KHỐI TRƯỜNG Y	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	1	2	1		17	11	7							39
2		Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	1				10	8	4							23
3		Đại học Y Dược Cần Thơ					4	6	5							15
4		Đại học Y Dược Huế					1									1
5		Đại học Y Khoa Vinh							1							1
6		Đại học Y Tây Nguyên					1	2	1							4
7		Đại học Kỹ Thuật Y Dược Đà Nẵng						1								1
8		Đại học sức khỏe-ĐHQG TP. HCM					2	1						1		4
9		Học Viện Quân Y	1													1
10	ĐH QUỐC GIA TP.HCM	Đại học Bách khoa	13	11	7	4	1	1	2	11	5	6	4	3	3	71
11		Đại học Công nghệ Thông tin	7	4	2					4	1	1	2	1		22
12		Đại học Khoa học Tự nhiên		2	4	4		1	1	1		2		1	4	20
13		Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn									1				1	2
14		Đại học Kinh tế – Luật	1	1	1	2		1			2	3	3	3	4	21
15		Đại học khoa học sức khỏe	1													1
16		Đại học Quốc tế		1	2						1	3	4	4	3	18
17		Đại học Kinh tế								2						2
18		Đại học Công nghiệp TP.HCM			1	1			1							3
19		Đại học Đà Lạt													1	1
20		Đại học Đồng Nai													1	1
21		Đại học Giao thông Vận tải TP.HCM			1						1	1	3	1	2	9
22		Đại học Kinh tế Quốc dân									1					1
23		Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2	9	1	3			2	6	11	11	5	1	7	58
24		Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh			1	1					4	1	1	1	4	13
25		Đại học Mở Hà Nội											1			1
26		Đại học Mở TP.HCM				1								1		2
27		Đại học Ngân hàng TP.HCM			3	2			1				2	4	2	14
28		Đại học Ngoại thương											1			1
29		Đại học Ngoại thương cơ sở 2, TP.HCM	5						1	10	3					19
30		Đại học Nông Lâm TP.HCM											1			1
31		Đại học Tây Nguyên											1			1
32		Đại học Sài Gòn				1					1					2
33		Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	1		5	7					4	6	2	3	1	29
34		Đại học Sư phạm TP.HCM	1	4		1			1			1				8
35		Đại học Tài chính - Kế toán											1			1
36		Đại học Thương mại		1												1
37		Đại học Tôn Đức Thắng									1		1	1		3
38		Đại học Trà Vinh						1								1
39		Đại học Việt Đức												1	1	2
40		Đại học Tài Nguyên và Môi Trường			1											1
41		Đại học tài chính Marketing			2					1	1	1	1	3	2	11

42		Học viện C.Nghệ Bưu chính Viễn thông CS2, TP.HCM				1			1							2
43		Học viện Hàng không Việt Nam											2	1		3
44		Học viện Tòa án										1				1
45		Học viện Ngân hàng					1									1
46		Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP.HCM											1			1
47		Đại học sư phạm Đồng Nai				2					1					3
48		Đại học Công Nghệ TP HCM									1					1
49		Đại học FPT		1		1						2	2		3	9
50		Đại học Nguyễn Tất Thành						2	4							6
51		Đại học Y dược Buôn Ma Thuột		1												1
52		Đại Học Nam Cần Thơ						1	1							2
53		Đại học Văn Lang					1	1	1			1		1		5
54		Đại học Việt Đức									1					1
55		Đại Học Kinh tế - Tài chính				1										1
56		Đại học Hoa sen											1			1
57		Học viện Hậu cần				1										1
58		Học viện kỹ thuật quân sự								1			1			2
59		Trường Sĩ quan Lục quân 2			2											2
60		Học viện Hải Quân			1											1
61		Học viện Cảnh sát Nhân dân				2										2
62		Trường Đại học An ninh Nhân dân		1		1										2
63		Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân		1	1	1										3
64		Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân			1											1
65		Đại học sĩ quan chính trị				1										1
	DU HỌC												2			2
TỔNG SỐ HỌC SINH TRÚNG TUYỂN CỦA TỪNG LỚP			36	39	37	35	37	38	34	36	40	39	39	34	40	484
SỐ SỐ TỪNG LỚP - 2023 - 2024			36	39	37	35	37	38	34	34	40	40	39	34	40	484

TRƯỜNG THCS-THPT NGUYỄN KHUYẾN
BẢNG THỐNG KÊ SỐ HỌC SINH ĐẠU NGUYỄN VỌNG 1 VÀO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NĂM HỌC 2023-2024

SỐ TT	NHÓM TRƯỜNG	TÊN TRƯỜNG -CHUYÊN NGÀNH	TỔNG HS ĐẠU NV1	TỔNG HS ĐẠU TRƯỜNG HOT
1	KHÔI TRƯỜNG Y	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	39	90
2		Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	23	
3		Đại học Y Dược Cần Thơ	15	
4		Đại học Y Dược Huế	1	
5		Đại học Y Khoa Vinh	1	
6		Đại học Y Tây Nguyên	4	
7		Đại học Kỹ Thuật Y Dược Đà Nẵng	1	
8		Đại học sức khỏe-ĐHQG TP. HCM	5	
9		Học Viện Quân Y	1	
10	ĐH QUỐC GIA TP.HCM	Đại học Bách khoa	71	154
11		Đại học Công nghệ Thông tin	22	
12		Đại học Khoa học Tự nhiên	20	
13		Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	2	
14		Đại học Kinh tế – Luật	21	
15		Đại học Quốc tế	18	
16	TRƯỜNG TOP ĐẦU	Đại học Ngoại thương cơ sở 2, TP.HCM	19	150
17		Đại học Ngoại thương Hà Nội	1	
18		Đại học Kinh tế Quốc dân	1	
19		Đại học Sư phạm TP.HCM	8	
20		Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	60	
21		Đại học Ngân hàng TP.HCM	14	
22		Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	13	
23		Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	29	
24		Đại học Công nghiệp TP.HCM	3	
25		Đại học Sài Gòn	2	
26	QUÂN ĐỘI CÔNG AN	Học viện Hậu cần	1	15
27		Học viện kỹ thuật quân sự	2	
28		Trường Sĩ quan Lục quân 2	2	
29		Học viện Hải Quân	1	
30		Học viện Cảnh sát Nhân dân	2	
31		Trường Đại học An ninh Nhân dân	2	
32		Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân	3	
33		Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân	1	
34		Đại học sĩ quan chính trị	1	
35	NHÓM TRƯỜNG CÔNG TRUYỀN THÔNG LÂU ĐỜI	Đại học Giao thông Vận tải TP.HCM	9	47
36		Đại học Đà Lạt	1	
37		Đại học Đồng Nai	1	
38		Đại học Nông Lâm TP.HCM	1	
39		Đại học Tây Nguyên	1	
40		Đại học tài chính Marketing	11	
41		Đại học Mở Hà Nội	1	
42		Đại học Mở TP.HCM	2	
43		Học viện C.Nghệ Bưu chính Viễn thông CS2, TP.HCM	2	
44		Học viện Hàng không Việt Nam	3	
45		Học viện Tòa án	1	
46		Học viện Ngân hàng	1	
47		Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP.HCM	1	
48		Đại học Tài chính - Kế toán	1	
49		Đại học Thương mại	1	
50		Đại học Tôn Đức Thắng	3	
51		Đại học Trà Vinh	1	

52		Đại học Việt Đức	2	
53		Đại học sư phạm Đồng Nai	3	
54		Đại học Tài Nguyên và Môi Trường	1	
55	MỘT SỐ TRƯỜNG KHÁC	Đại học Công Nghệ TP HCM	1	26
56		Đại học FPT	9	
57		Đại học Nguyễn Tất Thành	5	
58		Đại học Y dược Buôn Ma Thuột	1	
59		Đại Học Nam Cần Thơ	2	
60		Đại học Văn Lang	5	
61		Đại học Việt Đức	1	
62		Đại Học Kinh tế - Tài chính	1	
63		Đại học Hoa sen	1	
	DU HỌC		2	2
TỔNG SỐ HỌC SINH TRÚNG TUYỂN CỦA TỪNG LỚP			484	484